

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2020.
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Dục.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Diễn;
2. Ông Huỳnh Thế Cần.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2668/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đình T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, đến cuối đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng có suy nghĩ bất đồng với nhau về quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2016 đến nay. Từ tháng 5/2016 thì ông T đã đi khỏi địa phương không còn sinh sống tại số nhà thuộc Tổ A, khu phố P, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai nữa. Trên cơ sở đơn yêu cầu của bà, ngày 16/8/2019 Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã ban hành Quyết định số 34/2019/QĐST-

DS tuyên bố ông Nguyễn Đình T mất tích. Hiện nay bà cũng không liên lạc và không có tin tức gì của ông T. Tình cảnh vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

-Về con chung: Giữa bà và ông Nguyễn Đình T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quành H, sinh ngày 20/12/2007 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 21/9/2009. Ly hôn bà xin được nuôi các con, không yêu cầu ông Nguyễn Đình T cấp dưỡng.

-Về Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ L vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án gồm có: Thông báo về việc thụ L vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Đình T vẫn vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ L cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L. Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, về cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu, nên tạm thời ông Nguyễn Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Do hiện nay chưa có lời khai của ông T nên không có cơ sở xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật. Về án phí bà L phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Đình T có địa chỉ cư trú tại Tổ A, khu phố P, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn Đình T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không L do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 174, Quyển 01, ngày 08/12/2006. Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân giữa bà L và ông T xác định là hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào các quy định của [Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành để giải quyết việc bà L xin ly hôn với ông T.](#)

Theo bà L thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng có suy nghĩ bất đồng với nhau về quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp. [Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T là có thật. Mặt khác, Tòa án đã ban hành Quyết định tuyên bố ông Nguyễn Đình T mất tích.](#) Căn cứ quy định tại khoản 1, [khoản 2](#) Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Thị Quành H, sinh ngày 20/12/2007 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 21/9/2009.

Ly hôn bà L xin được nuôi các con, không yêu cầu ông Nguyễn Đình T cấp dưỡng. Qua tham khảo lời khai thì cháu Hoa và cháu Trang đều có nguyện vọng ở với mẹ. [Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay hai cháu đang ở với bà L.](#) Do vậy, cần giao cháu Hoa và cháu Trang cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà L không yêu cầu nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày về tài sản chung và nợ chung không có. Tuy nhiên, do ông T vắng mặt, không có lời khai nên không [đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.](#)

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản1, **khoản 2 Điều 56**, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

-Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quành H, sinh ngày 20/12/2007 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 21/9/2009 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0001231 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Bà L đã nộp xong tiền án phí.

6.Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- UBND xã An Phước, huyện Long Thành, T.Đồng Nai (CN số 174, quyền 01/2006);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Viết Được

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Diễn Huỳnh Thế Cần

Trịnh Viết Được